TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **01** /2018/DS-ST
Ngày: 26/10/2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hà, bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 26 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐ-ST ngày 05/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 18/10/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty C, trụ sở: Khu Đ, xã T, thị xã X, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Gia A – CV: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H – CV: Tổng Giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-GĐP, ngày 21/5/2018. (Có mặt);

* Bị đơn: Công ty T, trụ sở: Số 3, N, KP.3, P. T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn Q – CV: Giám đốc. (Vắng mặt);

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đức L – Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Luật sư Nguyễn Đức L - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Công ty C trình bày:*

Công ty C (tên công ty viết tắt là: DPW) do Phòng Đăng ký kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800763599, đăng ký lần đầu ngày 07/7/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/3/2016. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 07-7-2011 gồm có 17 lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, trong đó có "sản xuất sản phẩm khác từ gỗ".

Ngày 10/9/2012 công ty DPW có ký kết Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT với Công ty TNHH T (sau đây được gọi là Công ty T) về việc công ty DPW bán cho Công ty T gồm:

- Bàn ghế học sinh cấp I, loại 02 chỗ ngồi rời – số lượng: 144 bộ;
- Bàn giáo viên – số lượng: 08 cái;
- Ghế giáo viên – số lượng: 08 cái;
- Bảng viết chống lóa Hàn Quốc – số lượng: 08 cái;

Tổng trị giá thành tiền là 219.024.000đ (Hai trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Sau khi ký hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng thanh toán cho Công ty DPW số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 10/9/2012 đến ngày 10/10/2012

Công ty DPW ngày 06/10/2012 đã bàn giao toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng cho Công ty T, có Biên bản bàn giao và nghiệm thu hai bên ký xác nhận, nhưng đến nay Công ty T không thanh toán hết số tiền còn thiếu cho Công ty DPW.

Nhiều lần Công ty DPW có văn bản nhắc yêu cầu Công ty T thanh toán nhưng không được. Đến ngày 30/9/2017 Công ty DPW lập văn bản về việc "xác nhận số dư cuối kỳ" và được ông Mai Văn Q đại diện Công ty T ký xác nhận nợ số tiền còn lại là 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ngày 08/6/2018 Công ty DPW khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty DPW gồm:

- Số tiền nợ gốc 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng);
- Số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2013 đối với số tiền gốc trên theo lãi suất chậm trả 150%/ tháng tính đến ngày khởi kiện 08/6/2018 thành tiền là 106.298.400đ;
- Bồi thường tổn thất gồm: Chi phí đi lại, chi phí duy trì nhân sự xử lý nợ, nhắc nợ, đòi nợ, thuê tư vấn, thuê luật sư, công ty luật để khởi kiện... là 100.000.000đ

Tổng cộng là 315.322.400đ.

Ngày 25-9-2018 đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 08/6/2018, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty DPW số tiền nợ gốc 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/01/2013 đối với số tiền gốc trên đến ngày xét xử sơ thẩm thành tiền là 106.298.400đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn đồng). Thành số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên buộc bị đơn là Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty DPW số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Tại phiên tòa ông Hoàng Đình H - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Công ty C thừa nhận lời trình bày của Luật sư là đúng và thống nhất với yêu cầu của Luật sự.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Văn Q - Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn: Công ty T trình bày:*

Ông Mai Văn Q trình bày nội dung vụ án đúng như lời trình bày của nguyên đơn về việc Công ty T còn nợ Công ty DPW số tiền gốc còn lại là 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25-9-2018 ông Mai Văn Q cho rằng: Nguyên đơn yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ gốc 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 106.298.400đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn đồng). Thành số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng) thì ông Mai Văn Q đồng ý trả nợ và không có ý kiến gì.

Về phương án trả nợ thì ông Mai Văn Q có nguyện vọng được trả nợ dần theo từng mốc thời gian cụ thể. Mong đại diện nguyên đơn tạo điều kiện cho Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì hiện nay Công ty T rất khó khăn, đã ngừng hoạt động từ 5 – 6 năm nay, nhưng chưa làm thủ tục phá sản. Nếu được, ông Mai Văn Q sẽ chịu trách nhiệm dùng tài sản cá nhân thay Công ty T để trả nợ cho nguyên đơn.

Tại Đơn xin trình bày ngày 19-10-2018 ông Mai Văn Q trình bày: Ông Mai Văn Q xin giải quyết vắng mặt và đề nghị thay đổi nội dung thỏa thuận ngày 25-9-2018 như sau: *"Tôi Mai Văn Q đại diện cho Công ty T đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty DPW số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng) bằng tài sản của pháp nhân là Công ty T. Đề nghị Tòa án xem xét đề nghị thay đổi nội dung thỏa thuận ngày 25-9-2018 của bị đơn."*

** Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

1- Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT, ngày 10/9/2012 giữa Công ty DPW với Công ty T;

2- Thông báo xác nhận số dư ngày 12/12/2014 và ngày 30/9/2017;

3- Quyết định bổ nhiệm ông Trần Hữu Loan làm Tổng giám đốc công ty;

4- Giấy phép đăng ký kinh doanh và lĩnh vực ngành nghề kinh doanh thời điểm năm 2012;

5- Các giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân và đại diện pháp nhân.

** Nội dung các bên thống nhất không cần phải chứng minh:*

Các đương sự thừa nhận ngày 10/9/2012 công ty DPW có ký kết Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT với Công ty T. Nay Công ty T còn nợ Công ty DPW số tiền nợ gốc là: 109.024.000 đồng; Do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên các bên thừa nhận lãi suất chậm trả là: 106.298.400 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

** Nội dung các bên tranh chấp cần phải chứng minh:*

Các bên tranh chấp về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết.

- *Về hướng giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

- Tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT ngày 10/9/2012, quy định về "Điều khoản thi hành" thể hiện sự thỏa thuận giữa các bên nếu xảy ra tranh chấp sẽ khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Thỏa thuận này giữa các bên về lựa chọn Tòa án giải quyết sơ thẩm vụ án là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung này đã được các bên đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn Công ty C khởi kiện cho rằng Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT ngày 10/9/2012, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ là 106.298.400đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn đồng). Thành số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Đây là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc quan hệ pháp luật "*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn Công ty T có địa chỉ trụ sở tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: *"Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc*

toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện...”. Thời hiệu khởi kiện lại đối với vụ án được căn cứ vào giấy *“xác nhận số dư cuối kỳ”* ngày 30-9-2017 (Bút lục số 63), thể hiện việc bị đơn xác nhận nợ đối với nguyên đơn.

- Về người tham gia tố tụng: Ngày 19-10-2018 ông Mai Văn Q – Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT ngày 10/9/2012:*

Ngày 10/9/2012 bên bán là ông Trần Hữu Loan – chức vụ: Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty DPW và bên mua là ông Mai Văn Q – chức vụ: Giám đốc đại diện cho Công ty T cùng ký kết Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT.

** Xét về hình thức của hợp đồng:* Hợp đồng được lập thành văn bản và do người có chức năng, thẩm quyền đại diện pháp nhân ký kết hợp đồng là đúng pháp luật theo quy định tại Điều 134, 135, 137 và Điều 144 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

** Xét các nội dung cơ bản của hợp đồng:*

- Công ty DPW bán cho Công ty T gồm: 144 bộ bàn ghế học sinh cấp I, loại 02 chỗ ngồi rời; 08 cái bàn giáo viên; 08 cái ghế giáo viên và 08 cái bảng viết chống lóa Hàn Quốc. Bên bán cam kết chất lượng hàng hóa và quy cách sản phẩm theo hợp đồng;

- Tổng trị giá thành tiền là 219.024.000đ (Hai trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán trước cho bên bán 50% giá trị hợp đồng, còn lại 50% bên mua phải thanh toán cho bên bán chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn. Quá thời hạn mà chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất 1%/ tháng đối với số tiền còn lại.

- Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày 10-9-2012 đến ngày 10-10-2012; địa điểm giao nhận hàng tận nơi theo yêu cầu của bên mua và bảo hành lỗi sản phẩm 12 tháng.

- Điều khoản thi hành trong hợp đồng thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp sẽ khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Về thẩm quyền ký hợp đồng: Đại diện Công ty DPW (bên bán) do ông Trần Hữu Loan – CV: Tổng giám đốc làm đại diện ký hợp đồng theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 31 của Điều lệ công ty. Đại diện Công ty T (bên mua) do ông Mai Văn Q – CV: Giám đốc làm đại diện ký hợp đồng theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 17 của Điều lệ công ty.

Như vậy, Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT ngày 10/9/2012 giữa bên bán là Công ty DPW và bên mua là Công ty T đều thể hiện đúng hình thức, nội dung theo quy định của pháp luật tại Điều 117 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên trong hợp đồng.

[2] *Xét quá trình thực hiện hợp đồng:*

- Ngày 10/9/2012 Công ty DPW và Công ty T ký kết Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT;

- Sau khi ký hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng thanh toán cho Công ty DPW số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

- Ngày 06/10/2012 Công ty DPW đã bàn giao toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng cho Công ty T, có Biên bản bàn giao và nghiệm thu hai bên ký xác nhận;

- Ngày 19-12-2012 Công ty DPW xuất hóa đơn, nhưng không thể hiện ngày giao hóa đơn cho Công ty T.

- Ngày 30/9/2017 Công ty DPW lập văn bản về việc "xác nhận số dư cuối kỳ" và được ông Mai Văn Q đại diện Công ty T ký xác nhận nợ số tiền còn lại là 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Đến nay Công ty T chưa thanh toán hết số tiền còn thiếu cho Công ty DPW.

[3] *Xét yếu tố lỗi do vi phạm hợp đồng và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:*

Theo Hợp đồng kinh tế số 42/2012 –HĐKT ngày 10/9/2012, quy định về *"Phương thức thanh toán: Sau khi hợp đồng bên A tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng. Sau khi bên B lắp đặt, bàn giao xong bàn ghế, tiến hành xuất hóa đơn GTGT cho bên A. Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bên B chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn. Nếu quá thời gian trên nếu bên A chưa thanh toán cho bên B, thì bên B sẽ tính lãi suất theo lãi suất 1%/ tháng số tiền còn lại và thời gian không được quá một tháng."*

Tại phiên tòa Luật sư và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn cùng thống nhất cho rằng:

- Ngày 19-12-2012 Công ty DPW xuất hóa đơn và thực hiện việc bàn giao hóa đơn cho bên mua để bên mua làm thủ tục kê khai hoàn thuế Giá trị gia tăng cuối năm 2012.

- Việc quy định về nghĩa vụ bên mua (bên A) phải thanh toán số tiền còn lại chậm nhất là *"Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn"*, nhưng trong hợp đồng lại ghi: *"sau 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn"* là chưa đúng ý chí thỏa thuận giữa các bên khi ký hợp đồng.

- Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 150% / tháng đối với số tiền chậm trả 109.024.000đ kể từ ngày 01-01-2013 đến ngày 01-6-2018 là 65 tháng thành tiền là: 109.024.000đ x 65 tháng x 150% / tháng = 106.298.400đ.

Xét thấy, việc giao hóa đơn Giá trị gia tăng cho nhau mà bên nguyên đơn trình bày tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời thừa nhận của bên bị đơn tại đơn trình bày ngày 19-10-2018, do các bên không xác định được cụ thể ngày giao hóa đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự về thời hạn xác định thời điểm giao hóa đơn cho nhau là ngày 31-12-2012.

Về điều khoản của hợp đồng quy định về thời hạn để xác định thời điểm bên mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán là *"sau 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn"* dẫn đến việc bên mua không vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ thời điểm nhận hóa đơn ngày 31-12-2012 cho đến ngày hôm nay, nên bên mua không phải chịu nghĩa vụ bồi thường hợp đồng đối với phần lãi suất chậm trả.

Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25-9-2018 và tại đơn trình bày ngày 19-10-2018 ông Mai Văn Q đại diện của Công ty T đồng ý thanh toán cho Công ty DPW số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc còn nợ thành số tiền lãi suất là 106.298.400đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự trong việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn:*

- Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty DPW số tiền 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng), gồm: Số tiền nợ gốc 109.024.000đ (Một trăm linh chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và số tiền lãi là 106.298.400đ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn đồng).

Xét thấy, ngày 25-9-2018 đại diện của Công ty T đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty DPW số tiền nợ gốc 109.024.000đ và số tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc trên là 106.298.400đ. Thành số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Đồng thời đại diện của Công ty T cam kết nếu Công ty T không trả hoặc trả không hết số nợ trên cho Công ty C thì ông Mai Văn Q phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho Công ty C, nhưng không được đại diện nguyên đơn chấp nhận.

Tại đơn trình bày ngày 19-10-2018 đại diện của Công ty T có đơn yêu cầu thay đổi nội dung thỏa thuận ngày 25-9-2018 như sau: *"Công ty T đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty DPW số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng) bằng tài sản của pháp nhân là Công ty T. Đề nghị Tòa án xem xét đề nghị thay đổi nội dung thỏa thuận ngày 25-9-2018 của bị đơn"*.

Từ những tài liệu chứng cứ đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần tuyên buộc bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tuy nhiên, ngày 10-10-2018 bị đơn có đơn xin miễn, giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương thuộc trường hợp được giảm 50% án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 264 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116; 117; 357; 385; 398; 401; 430; 433; 440 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24; 34; 35; 37; 49; 50; 54 và Điều 55 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

1. Tuyên buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền nợ gốc 109.024.000 đồng và số tiền lãi là 106.298.400 đồng, thành số tiền tổng cộng là 215.322.400đ (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.383.060đ (Năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng).

- Nguyên đơn Công ty C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.883.000đ (Bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 025997 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN VĂN PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.